

REVIEW 4

SKILLS

- eco-friendly	(adj) : thân thiện với môi trường
- wind energy	(n) : năng lượng gió
- solar energy	(n) : năng lượng mặt trời
- control	(v) : điều khiển, điều chỉnh
- comfortable	(adj) : tiện lợi , thoải mái
- underground	(adj) : ở dưới mặt đất, ngầm
- air	(n) : không khí, không trung
- enough	(adj) : đủ
- land	(n) : đất
- scientist	(n) : nhà khoa học
- predict	(v) : dự đoán
- coal	(n) : than đá
- clap	(v) : vỗ tay
- persuade	(v) : thuyết phục
- advise	(v) : khuyên
- turn off – turn on	(v) : tắt – mở

